



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 4.2)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 4.2)

**(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 05 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận
Chất lượng quốc gia/ of BoA Director)**

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng đo lường Áp suất**

Viện đo lường Việt Nam

Laboratory:

Laboratory of Pressure

Vietnam Metrology Institute

Tổ chức/Cơ quan chủ quản:

Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc Gia

Organization:

Commission for Standards, Metrology and Quality of Viet Nam

Lĩnh vực thử nghiệm:

Cơ

Field of testing:

Mechanical

Người quản lý/
Laboratory manager:

Nguyễn Nam Thắng

Số hiệu/ Code:

VILAS 072

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation

từ ngày /05 /2025 đến ngày 19/06/2030

Địa chỉ/ Address:

Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Địa điểm/Location:

Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Điện thoại/ Tel:

Fax: 024 37564260

E-mail:

thangnn@vmi.gov.vn

Website: www.vmi.gov.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 4.2)*LIST OF ACCREDITED TESTS (No 4.2)***VILAS 072****Phòng Đo lường Áp suất*****Laboratory of Pressure*****Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ (x)***Field of testing: Mechanical (x)*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Van an toàn <i>Pressure Safety Valve</i>	Kiểm tra áp suất đóng/mở van <i>Check the opening/closing pressure</i>	Đến / <i>Up to</i> 300 bar	TCVN 7915-1:2009
2.		Thử rò rỉ <i>Leakage test</i>		
3.	Van đóng mở và van điều khiển <i>On/off Valve and Pressure control Valve</i>	Thử rò rỉ <i>Leakage test</i>	Đến / <i>Up to</i> 300 bar	ISA-75.19.01:2013
4.	Ống kim loại <i>Metal piping</i>	Thử áp suất duy trì, áp suất phá hủy <i>Working, Burst pressure test</i>	Đến / <i>Up to</i> 300 bar	V04.G-TN04:2025 (Tham khảo/ <i>Ref.</i> TCVN 1832: 2008)
5.	Ống nhựa <i>Plastic pipe</i>	Thử áp suất duy trì, áp suất phá hủy <i>Working, Burst pressure test</i>	Đến / <i>Up to</i> 300 bar	V04.G-TN05:2025 (Tham khảo/ <i>Ref.</i> TCVN 6149-1:2007)
6.	Bình áp lực <i>Pressure tank</i>	Thử áp suất duy trì, áp suất phá hủy <i>Working, Burst pressure test</i>	Đến / <i>Up to</i> 300 bar	V04.G-TN06:2025 (Tham khảo/ <i>Ref.</i> TCVN 6156: 1996)
7.	Bơm tạo áp suất <i>Pressure pumps</i>	Khả năng tạo áp suất <i>Pressure test</i>	Đến / <i>Up to</i> 2750 bar	V04.G-TN01:2025 (Tham khảo/ <i>Ref.</i> ĐLVN 76: 2001)
8.	Quạt và hệ thống quạt tăng áp, quạt hút <i>Fans and fans system pressure charging, suction</i>	Đo áp suất dư của không khí trong buồng thang <i>Measurement of pressure air in stair chamber</i>	Đến / <i>Up to</i> 500 Pa	V04.G-TN02:2025 (Tham khảo/ <i>Ref.</i> QCVN 06:2022)
9.	Chai chứa khí <i>Steel cylinders</i>	Thử áp suất duy trì, áp suất phá hủy <i>Working, Burst pressure test</i>	Đến / <i>Up to</i> 300 bar	V04.G-TN07:2025 (Tham khảo/ <i>Ref.</i> TCVN 6292: 2013)
10.	Vòi phun <i>Sprayer nozzles</i>	Thử kín <i>Seat Leakage Test</i>	Đến / <i>Up to</i> 300 bar	V04.G-TN03:2025 (Tham khảo/ <i>Ref.</i> TCVN 9221: 2012)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 4.2)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 4.2)

VILAS 072

Phòng Đo lường Áp suất

Laboratory of Pressure

Chú thích/ Note

- ISA: *International Society of Automation*
- V04.G-TN: Phương pháp nội bộ PTN/ *Laboratory's developed methods*
- (x): Phép thử thực hiện hiện trường/ *On - site tests*
- Trường hợp Viện đo lường Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Viện đo lường Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the Vietnam Metrology Institute that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

